

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

(V/v: vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP
Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Hà Nội)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình 6 năm 2021;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Công trình 6 mã số doanh nghiệp 0100104901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/09/2003, đăng thay đổi lần thứ 12 ngày 01/04/2021;
- Căn cứ vào nhu cầu vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Công trình 6,
- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty tại Giấy đề nghị cấp hạn mức tín dụng và hạn mức bảo lãnh 2023 ngày 06/06/2023 về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại BIDV – Chi nhánh Đông Hà Nội.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính sau đây

a) Kế hoạch sản lượng 2023

| TT | Công trình | KH SXKD năm 2023 | KH SXKD năm 2023 |
|------------|--|---------------------|---------------------|
| | | KL | Sản lượng |
| | Tổng sản lượng | | 210.000,0 |
| I | Sản lượng xây lắp | | 132.158,8 |
| II | Sản lượng công nghiệp | | 70.794,8 |
| III | Sản lượng từ kinh doanh khác | | 7.046,4 |
| I | Sản lượng xây lắp | | 132.158,8 |
| 1 | Xí nghiệp công trình 601 | | 35.000,0 |
| 1.1 | Gói XL-NTSG2-01: CTNC đoạn Km 1381+930 - Km 1419+500 thuộc tỉnh Ninh Thuận | | 20.000,0 |
| 1.2 | Gói 3: Xây lắp, cải tạo đường sắt khu vực hồ Gap | | |

| | | | |
|------------|---|--------|-------------------------|
| 1.3 | Sửa chữa đường sắt đoạn Vinh - Nha Trang | | 15.000,0 |
| 1.4 | Gói 11A: Thi công xây dựng gia cố các công trình hầm số 1, số 2, số 3, Phủ Cũ, Chí Thạnh, Vũng Rô 1, Vũng Rô 4, Bãi Gió | | - |
| 1.4 | Thi công hầm chui Giáp Bát | | |
| 2 | Xí nghiệp công trình 605 | | 33.000,0 |
| 2.1 | Sửa chữa đường sắt đoạn Vinh - Nha Trang | | 15.000,0 |
| 2.2 | Sửa chữa đường sắt đoạn Nha Trang - Sài Gòn | | 10.000,0 |
| 2.3 | Sửa chữa đường sắt đoạn Km 56 - Km 59 tuyến Gia Lâm - Hải Phòng | | 8.000,0 |
| 2.4 | Dự án: 9 ga phía Bắc | | |
| 3 | Các dự án ngoài ngành | | 28.158,8 |
| | Dự án : nâng cấp QL20 | | 28.158,8 |
| 4 | Cty TNHH công trình 6 - Myanmar | | 30.000,0 |
| | Gói 103 - Dự án nâng cấp tuyến ĐS Yangon - Mandalay, giai đoạn 1. | | 30.000,0 |
| II | Sản lượng công nghiệp | | 70.794,8 |
| 1 | XN vật liệu xây dựng Tháp Chàm | | 41.910,0 |
| 1.1 | TVBT DUL TN1 (thanh) | 60,000 | 41.910,0 |
| 2 | XN vật liệu & xây lắp | | 28.884,8 |
| 2.1 | TVBT DUL TN1 (thanh) | 25,000 | 17.462,5 |
| 2.2 | TVBT DUL LW (thanh) | 3,000 | 2.722,5 |
| 2.3 | TVBT ghi tg1/7 (Bộ) | 30 | 2.118,5 |
| 2.4 | TVBT ghi tg1/10 | 10 | 1.250,7 |
| 2.5 | TVBT DUL – Quảng Ninh (thanh) | 6,000 | 5.082,0 |
| 2.6 | Tấm bản đường ngang (tấm) | 20 | 248,6 |
| 2.7 | Chi phí vận chuyển | | |
| 3 | Xây lắp khác | | 6.000,0 |
| 3.1 | Các dự án ngoài ngành | | 6.000,0 |
| III | Sản lượng từ kinh doanh khác | | 7.046,4 |
| 1 | Phòng TN&KD công trình | | 1.300,0 |
| 2 | Liên doanh với các đơn vị sản xuất | | 5.746,4 |
| | Tổng sản lượng | | <u>210.000,0</u> |

Ngoài các công trình đã ký hợp đồng, phát hành bảo lãnh theo Bảng trên, Công ty dự kiến đầu thầu thêm 200.000 triệu đồng các công trình khác, với tỷ lệ trúng thầu là 50%. Kế hoạch bảo lãnh năm 2023 cụ thể như sau:

| TT | Loại bảo lãnh | Giá trị hợp đồng cần bảo lãnh | Tỷ lệ bảo lãnh | Vòng quay bình quân | Giá trị |
|----------|---|-------------------------------|----------------|---------------------|---------------|
| | Dư bảo lãnh đầu kỳ (A) | | | | 25,783 |
| | Dư bảo lãnh trong kỳ (B) | | | | |
| 1 | Bảo lãnh dự thầu (B1) | 200,000 | 1% | 120 ngày | 667 |
| 2 | Bảo lãnh thực hiện HĐ (B2) | 100,000 | 10% | 365 | 10,139 |
| 3 | Bảo lãnh ứng (B3) | 100,000 | 30% | 365 | 30,417 |
| 4 | Bảo lãnh bảo hành (B4) | 85,000 | 5% | 365 | 4,309 |
| 5 | Tổng giá trị bảo lãnh phát sinh trong kỳ (B) = B1 + B2 + B3 + B4 | | | | 45,532 |
| 6 | Số dư bảo lãnh hiện tại sẽ hết hạn trong năm 2023(C) | | | | 10.000 |
| 7 | Nhu cầu bảo lãnh kế hoạch (= A + B - C) | | | | 61,315 |
| 8 | Hạn mức bảo lãnh tại BIDV Đông Hà Nội | | | | 60.000 |



Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, Công ty Cổ phần Công trình 6 lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2023-2024:

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2022 | Kế hoạch năm 2023 |
|-----|---|--------------------|-------------------|
| | Nhu cầu hạn mức tín dụng | | |
| 1 | Doanh thu | 88.900 | 145.000 |
| 1.1 | Doanh thu xây lắp | 28.620 | 85.000 |
| 1.2 | Doanh thu sản xuất công nghiệp + cung cấp vật tư thi công | 55.136 | 60.000 |
| 2 | Khấu hao cơ bản (thực tế) dự kiến trích | 0 | 2,000 |
| 3 | Lợi nhuận kinh doanh trước thuế TNDN | 5.866 | 5.000 |
| 4 | Thuế thu nhập dự kiến phải nộp | 0 | 0 |
| 5 | Lợi nhuận kinh doanh (sau thuế) | 5.860 | 5.000 |
| 6 | Vòng quay vốn lưu động trung bình | 0.68 | 1.1 |

| | | | |
|-----------|---|---------------|---------------|
| 7 | Tổng nhu cầu vốn lưu động (7= 1-2-3) | 84.391 | 138.000 |
| 8 | Nhu cầu vốn lưu động 1 vòng quay (8= 7/6) | 123.486 | 125.455 |
| 9 | Vốn tự có và coi như tự có | 31.999 | 28.539 |
| 10 | Vốn huy động khác | 64.967 | 65.000 |
| 11 | Tổng hạn mức tín dụng/nhu cầu vốn lưu động tối đa (11=8-9-10) | 25.000 | 30.000 |
| 12 | Vốn vay tại ngân hàng khác | - | - |
| 13 | Nhu cầu tín dụng tại BIDV Đông Hà Nội | 25.000 | 30.000 |

Điều 2. Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C

Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C của Công ty Cổ phần công trình 6 tại BIDV Chi nhánh Đông Hà Nội (sau đây gọi tắt là “**Ngân hàng**”) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức hạn mức tín dụng/theo món. Cụ thể như sau:

Tổng giới hạn tín dụng ngắn hạn năm 2023, gói đầu 2024 cho Công ty CP Công trình 6 là **90.000.000.000 đồng** (bằng chữ: **Chín mươi tỷ đồng./.**), trong đó:

- Hạn mức (Cho vay, mở L/C, BLTT): **30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)**
- Hạn mức bảo lãnh (không bao gồm BLTT): **60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)**
- Mục đích: Vay vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Công trình 6
- Thời hạn, Lãi suất vay và điều kiện vay vốn: Theo quy định của Ngân hàng và thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty và BIDV Đông Hà Nội

Điều 3. Thông qua biện pháp bảo đảm tiền vay: Thống nhất thông qua phương án sử dụng tài sản đảm bảo như sau:

- Bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hiện có thuộc sở hữu của Doanh nghiệp : Tài sản của Công ty cổ phần công trình 6 được phản ánh trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo đúng quy định của Pháp luật Việt Nam.

- Bảo đảm bằng tài sản của ban lãnh đạo công ty, của bên thứ ba theo đúng nội dung Hợp đồng đã được ký kết giữa Công ty cổ phần công trình 6, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Đông Hà Nội và Bên thứ ba (Hợp đồng thế chấp ba bên có công chứng).

Cụ thể :

| TT | Mô tả biện pháp bảo đảm | Giá trị TSD (triệu đồng) |
|----|---|--------------------------|
| 1 | Tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty CP Công trình 6. Theo HĐTC số 02/2017/153713 /HDBD ngày 28/08/2017 và PLHĐ số 01/2021/PLHĐ ngày 07/06/2021. Ngày định giá gần nhất: 29/09/2022. | 31.205 |

| | | |
|---|---|---------------|
| 2 | Tài sản là Quyền đòi nợ/các khoản phải thu theo Hợp đồng số 01/2022/153713/HĐBĐBS ngày 02/03/2022 | - |
| 3 | Tài sản thế chấp là Công trình xây dựng và lợi thế quyền thuê đất của Công ty CP Công trình 6. Theo HĐTC số 01/2017/153713/HĐBD ngày 28/08/2017. (Bao gồm: Lợi thế quyền thuê đất và tài sản tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, diện tích 33.832 m ² giá trị định giá là 80.953 triệu đồng, Tài sản tại Tháp Chàm – Tỉnh Ninh Thuận giá trị định giá là 6.102 triệu đồng). | - |
| 4 | Hợp đồng tiền gửi số 01/2021/153713/HĐBĐ ngày 27/01/2021 Của Công ty CP Công trình 6 | 1.183 |
| 5 | Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Xã Ngọc Thanh, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 786006 (Số vào sổ cấp GCN: CS 05333) do Sở tài nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 20/01/2022. Chủ sử dụng: Bà Đàm Thị Kim Cúc (vợ Ông Lương Bá Minh - Phó GD), Cùng sử dụng đất với bà Nguyễn Thị Hồng Nhung | 9.963 |
| 6 | Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 702268 (Số vào sổ cấp GCN: CS-ĐA 04463) do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 02/06/2016. Chủ sử dụng: Ông Phan Anh Tuấn (kế toán trưởng công ty) và Bà Nguyễn Thị Hạnh. | 12.375 |
| 7 | Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 838 Đường Láng, tổ 36, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 10109413043 (Số vào sổ cấp GCN: 3187. QĐU3.2004) do UBND tỉnh Hà Nội cấp ngày 13/12/2004. Chủ sử dụng: Ông Phan Quốc Nam và Bà Phan Thị Thanh Hải. (bố mẹ Ông Phạm Hồng Ngọc - GD công ty) | 9.857 |
| | Tổng cộng | 64.583 |



Điều 4. Chỉ định Người đại diện Công ty Cổ phần Công trình 6 thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết hợp đồng với Ngân hàng

1. Giao Ông Phan Hồng Ngọc hiện giữ chức vụ Tổng giám đốc đồng thời người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện Công ty: Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện

các hợp đồng, văn bản liên quan đến việc vay vốn, thế chấp, cầm cố tài sản tại Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn: Giấy đề nghị vay vốn; Giấy đề nghị phát hành bảo lãnh, mở L/C; Hợp đồng tín dụng hạn mức; Hợp đồng cấp bảo lãnh; Bảng kê rút vốn/Hợp đồng tín dụng cụ thể; Giấy đề nghị giải ngân; Bảng phân khai kế hoạch giải ngân; Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm; Biên bản giao nhận hồ sơ chứng từ liên quan đến từng lần giải ngân; Biên bản định giá tài sản và các văn bản, tài liệu khác có liên quan...

2. Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về toàn bộ các văn bản, hợp đồng, tài liệu do Ông Phan Hồng Ngọc đại diện Công ty Cổ phần Công trình 6 ký kết với Ngân hàng phù hợp với các nội dung nêu tại Nghị quyết này và đúng quy định của Pháp luật Việt Nam.

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và công bố thông tin.

Điều 6. Tổng Giám đốc Công ty, Ông Phan Hồng Ngọc Công ty Cổ phần Công trình 6 và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai và thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- BIDV chi nhánh Đông Hà Nội
- Các UV HĐQT (chỉ đạo t/h);
- Ban kiểm soát, Website CTCPT6;
- Ban TGD, các phòng, chi nhánh, XN (t/h);
- UBCKNN; Sàn HNX Hà Nội (Công bố thông tin);
- Lưu VT, HĐQT.



Phạm Văn Thúy